

Phần 8. BỆNH HẦU HỌNG

172. **Quai bị:** *Khiên chính, Ế phong, Hợp cốc.*
173. **Quai bị:** *Ế phong, Giáp xa, Hợp cốc.*
174. **Viêm amidan:** *Ế phong, Giáp xa, Hợp cốc.*
175. **Viêm amidan:** *Biển đảo, Hợp cốc.*
176. **Viêm amidan:** *Thiên dung, Hợp cốc.*
177. **Viêm amidan cấp tính:** *Chích Thiếu thương nặn máu, châm Hợp cốc.*
178. **Sưng trong họng:** *Nhiên cốc, Thái Khê.*
179. **Viêm hầu họng:** *Thiên dung, Thiên trụ, Hợp cốc.*
180. **Họng đau không ăn được:** *Dũng tuyền, Thái xung.*
181. **Viêm hầu họng:** *Thiên trụ, Thiếu thương.*
182. **Viêm hầu họng:** *Biển đảo, Thiên trụ, Thiếu thương.*
183. **Hầu họng sưng đau:** *Thiếu thương, Thiên đột, Hợp cốc.*
184. **Hầu họng sưng đau:** *Thiếu thương, Thương dương đều chích nặn máu.*
185. **Đau hầu họng:** *Bách hội, Thái xung, Tam âm giao.*
186. **Đau hầu họng:** *Thái Khê, Trung chủ.*
187. **Đau hầu:** *Dịch môn, Ngự tế.*
188. **Đau hầu họng:** *Bách hội, Chiếu hải, Thái xung.*
189. **Đau hầu họng:** *Thiên dù, Ế phong, Hợp cốc.*
190. **Đau họng:** *Thái Khê, Thiếu trạch.*
191. **Họng khô:** *Thái uyên, Ngự tế.*
192. **Họng khô hay khát:** *Hành gian, Thái xung.*
193. **Hầu bại:** *Cách du, Kinh cừ.*
194. **Cường tuyến giáp:** *Gian sử, Khí anh, Tam âm giao.*
195. **Viêm tuyến giáp:** *Nhân nghinh thấu Thiên đột, Hợp cốc, Túc tam lý, Trạch tiền, Thái Khê, Nội quan, Tam âm giao.*
196. **Tràn dịch ở cổ:** *Thiên tỉnh, Thiếu hải.*
197. **Lao hạch ở đầu hầu:** *Côn lân, Bỗ tham.*